

Làm thế nào

để các ngân hàng có thể tham gia vào thị trường tài chính nông thôn Việt Nam một cách có hiệu quả và an toàn?

TS. Hoàng Huy Hà *

Sau hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế ấn tượng, song vẫn còn là một quốc gia nghèo với thu nhập thấp và tiềm năng phát triển lớn chưa được khai thác, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Hiện nay, trên 70% dân số Việt Nam vẫn đang sống ở khu vực nông thôn và nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chính. Khu vực nông thôn Việt Nam là một thị trường có tiềm năng khai thác rộng lớn, song Việt Nam còn thiếu một hệ thống tài chính nông thôn bền vững để phục vụ cho khu vực này. Bài viết sau đây phân tích rõ những nhân tố cản trở quá trình tham gia của các ngân hàng vào thị trường tài chính nông thôn và đề xuất các giải pháp để các ngân hàng tham gia vào thị trường này một cách có hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn bền vững.



Nâng cao mức sống ở khu vực nông thôn vẫn sẽ là một thách thức lớn đối với Việt Nam

1. Khu vực nông thôn và nhu cầu về vốn cho đầu tư phát triển

Sau hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế ấn tượng, song vẫn còn là một quốc gia nghèo với thu nhập GDP bình quân đầu người thấp và tiềm năng phát triển lớn chưa được khai thác.

Theo số liệu mới công bố, tỷ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm 75% kể từ năm 1993 đến năm 2009, song dự tính vẫn còn khoảng 12 triệu người nghèo (14,5%), khoảng 85% trong số đó sống ở nông thôn. Hiện nay, trên 70% dân số Việt Nam vẫn

* Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

đang sống ở khu vực nông thôn và nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chính của họ. Nâng cao mức sống ở khu vực nông thôn vẫn sẽ là một thách thức lớn đối với Việt Nam.

Để đạt mục tiêu phát triển khu vực nông thôn bền vững và tiếp tục những thành công trong xóa đói giảm nghèo, trong kế hoạch 5 năm tiếp theo, Chính phủ dự kiến mức tổng mức đầu tư cho kinh tế nông thôn khoảng 5 - 6 tỷ USD mỗi năm. Trong đó, dự kiến đầu tư của khu vực tư nhân chiếm khoảng 40% hay mới khoảng 2 - 2,5 tỷ USD. Do đó, bên cạnh đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của hệ thống ngân hàng vào phát triển khu vực nông thôn sẽ là nguồn bổ sung cần thiết.

2. Hệ thống ngân hàng và thị trường tài chính nông thôn Việt Nam

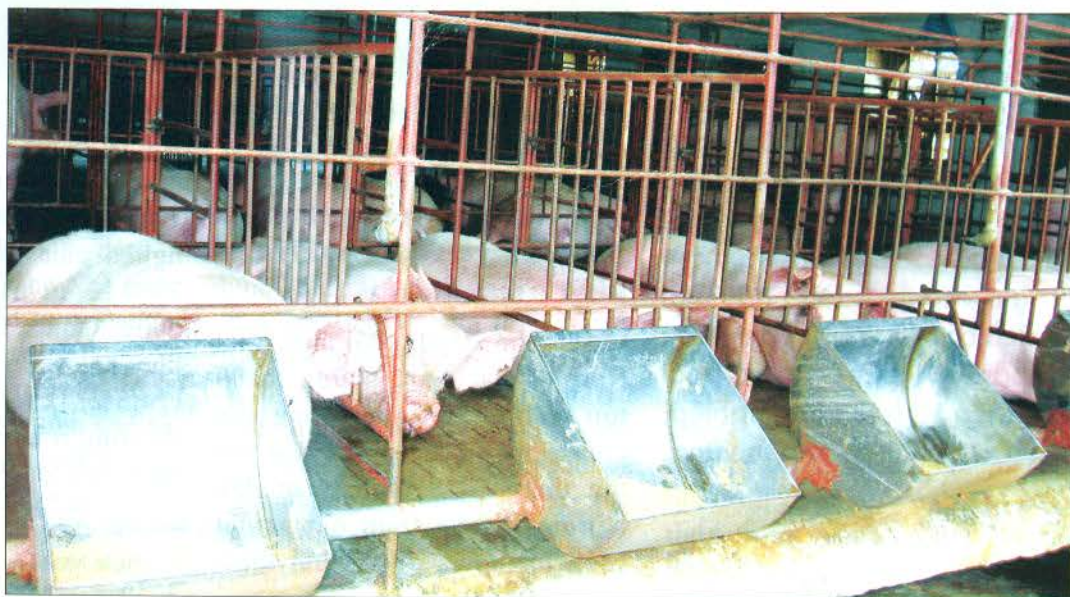
Quá trình cải cách khu vực tài chính bắt đầu một cách mạnh mẽ từ đầu những năm 2000, đã đạt được những kết quả rất đáng kể. Đến nay, Việt Nam đã hình thành

một hệ thống tài chính trung gian chính thức với 44 ngân hàng (trong đó 5 ngân hàng thương mại Nhà nước, 39 ngân hàng thương mại cổ phần, trên 900 Quỹ tín dụng nhân dân (PCF) và sự tham gia của nhiều định chế tài chính nước ngoài. Trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay, niềm tin vào hệ thống ngân hàng đã tăng lên nhanh chóng, thể hiện ở tỉ lệ tiền gửi, từ 24% GDP lên trên 60% GDP; nguồn tín dụng cho nền kinh tế cũng đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm gần 30%. Hệ thống thanh toán liên ngân hàng và nội bộ các ngân hàng, được xây dựng theo các tiêu chuẩn quốc tế, đã giúp cải thiện các dịch vụ thanh toán, đẩy nhanh vòng quay vốn và tăng tính hiệu quả của việc dẫn vốn.

Mặc dù đã có những bước phát triển lớn, song hoạt động của hệ thống ngân hàng, trừ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), chủ yếu vẫn ở khu vực những trung tâm lớn và thành phố, thị xã trung tâm tỉnh, chưa đạt được tính hiệu

quả cũng như mở rộng sự tiếp cận của các dịch vụ tài chính đến các khu vực nông thôn. Khu vực nông thôn là một thị trường có tiềm năng khai thác rộng lớn, nơi sinh sống của trên 70% dân số cả nước, song Việt Nam còn thiếu một hệ thống tài chính nông thôn bền vững để phục vụ cho khu vực này. Mới chỉ có khoảng 32% người nghèo ở nông thôn tiếp cận được tới nguồn vốn của các định chế tài chính chính thức. Các doanh nghiệp nông thôn, đặc biệt là các doanh nghiệp vi mô và nhỏ đã tạo ra 2/3 số công ăn việc làm, song tiếp tục gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn tài chính cho nhu cầu đầu tư. Các doanh nghiệp tư nhân nông thôn tài trợ khoảng 75% các khoản đầu tư mới từ những nguồn phi thương mại, như từ các nguồn vốn tự có, từ gia đình, bạn bè, hay từ các quỹ nội bộ của doanh nghiệp (lợi nhuận giữ lại). Sự phụ thuộc quá lớn vào các nguồn nói trên đã làm hạn chế qui mô phát triển và khả năng mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

Để từng bước chiếm lĩnh thị trường nông thôn rộng lớn, các ngân hàng cần phát triển một chiến lược cụ thể để hướng đến thị trường này



3. Những nhân tố cản trở quá trình tham gia của các ngân hàng vào thị trường tài chính nông thôn

Có nhiều nhân tố tác động đến quá trình tham gia của các ngân hàng vào thị trường tài chính nông thôn. Nhân tố đầu tiên là hầu hết các ngân hàng còn thiếu một chiến lược cụ thể hướng đến thị trường nông thôn. Một trong những nguyên nhân làm cho các ngân hàng chưa tích cực mở rộng ra khu vực nông thôn là thiếu nguồn vốn do khả năng huy động còn yếu, đặc biệt là nguồn vốn trung và dài hạn. Việc các ngân hàng vẫn áp dụng qui định về tài sản thế chấp để phòng ngừa rủi ro, và những yếu kém từ phía nội tại doanh nghiệp, như chuẩn bị kế hoạch kinh doanh kém, thiếu hệ thống kế toán lành mạnh và các báo cáo tài chính, thiếu tài sản đảm bảo... là một trở ngại lớn cho các doanh nghiệp nông thôn trong tiếp cận đến dịch vụ ngân hàng. Ngoài ra, chất lượng sản phẩm và dịch vụ ngân hàng cho khu vực nông thôn còn thấp và đơn điệu, các dịch vụ không đáp ứng được nhu cầu đa dạng của sản xuất nông nghiệp, là lĩnh vực chịu nhiều tác động của rủi ro thời tiết hay dịch bệnh liên quan đến cây trồng, vật nuôi. Hơn nữa, vấn đề bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh ở các vùng nông thôn còn chưa được quan tâm đúng mức và ngày một trở nên cấp bách, cũng là một rủi ro trở ngại khi các ngân hàng mở rộng hoạt động ra khu vực này.

4. Làm thế nào để các ngân hàng tham gia vào thị trường tài chính nông thôn một cách hiệu quả?

Tất cả những nhân tố nêu trên đã làm cho các ngân hàng, các

doanh nghiệp và hộ gia đình nông thôn chưa gặp được nhau. Nói cách khác, để các ngân hàng có thể tham gia vào thị trường tài chính nông thôn một cách hiệu quả, những nhân tố trên cần được xem xét xử lý.

(i) Cần xây dựng một chiến lược cụ thể hướng tới khu vực nông thôn

Hoạt động ngân hàng đã mang tính cạnh tranh cao, song chủ yếu mới là ở các trung tâm kinh tế lớn, ở các thành phố, thị xã. Cạnh tranh hoạt động ngân hàng ở khu vực nông thôn còn yếu. Trong số các ngân hàng, dường như mới chỉ có Agribank đã có chiến lược rõ ràng trong phục vụ khu vực nông thôn và vẫn là định chế duy nhất có hoạt động ở vùng sâu, vùng xa. Để từng bước chiếm lĩnh thị trường nông thôn rộng lớn, các ngân hàng cần phát triển một chiến lược cụ thể để hướng đến thị trường này. Chiến lược này sẽ bao gồm các chiến lược kinh doanh, kế hoạch phát triển mạng lưới chi nhánh hiệu quả với thời gian biểu cụ thể và kế hoạch tuyển dụng, đào tạo cán bộ để mở rộng hoạt động tới khu vực nông thôn một cách bền vững, và từng bước vươn tới vùng sâu, vùng xa. Hoạt động cho vay ở khu vực nông thôn cũng có những đặc thù khác biệt, do đó, công tác đào tạo nghiệp vụ tài chính nông thôn cho các cán bộ cũng cần được quan tâm đúng mức, và đi kèm là phát triển hệ thống quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát chất lượng phù hợp với đặc thù mang tính thời vụ của sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp. Hỗ trợ, chuẩn hóa và phát triển một cách có hiệu quả hệ thống các Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô ở nông thôn.

(ii) Huy động vốn và phát triển những sản phẩm huy động vốn mới

Một trong những nguyên nhân làm hạn chế sự tham gia của các ngân hàng vào thị trường tài chính nông thôn là ngân hàng thiếu vốn, đặc biệt là trong huy động nguồn vốn trung và dài hạn để sử dụng cho vay mở rộng đầu tư vào khu vực nông thôn. Chỉ chưa đến 1/3 các khoản tiền huy động được từ hệ thống ngân hàng có thời hạn trên 12 tháng. Để đáp ứng nhu cầu cho vay đầu tư, một phần nguồn vốn ngắn hạn đã được sử dụng tài trợ cho các khoản vay có kỳ hạn, và tạo ra sự mất cân đối về kỳ hạn và rủi ro thanh khoản. Một thực tế là 4 thành phố lớn là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh chiếm đến 70% tổng tiền gửi tiết kiệm, song cũng sử dụng 52% tổng tín dụng của các ngân hàng. Từ đó có thể thấy là những khu vực ngoài 4 thành phố lớn này (ở 60 tỉnh còn lại) gặp khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng cho nhu cầu cho vay ở địa phương. Lý do là hiện nay các ngân hàng chủ yếu vẫn huy động vốn thông qua các sản phẩm truyền thống từ dân cư và doanh nghiệp, chưa có các sản phẩm tiết kiệm mới phù hợp cho huy động vốn ở khu vực nông thôn. Nhiệm vụ của hệ thống ngân hàng, do đó, là phải có một chiến lược cụ thể trong việc thiết kế, tiếp thị những sản phẩm tiết kiệm dài hạn mới, đa dạng và hấp dẫn, có thể như cơ cấu các tài khoản tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi hay những sản phẩm khác như trái phiếu,... để thu hút nguồn vốn nhàn rỗi từ khu vực nông thôn, mở rộng nguồn tại chỗ cho đầu tư phát triển.



(iii) Phát triển công nghệ tín dụng mới - Cho vay theo dòng tiền

Một trở ngại nữa để ngân hàng và doanh nghiệp gặp nhau là các ngân hàng vẫn chủ yếu cho vay trên cơ sở tài sản thế chấp. Trong khi đó, người dân và các doanh nghiệp nông thôn thường ít có tài sản thế chấp có giá trị (hoặc có thể được chấp nhận), vì vậy, việc tiếp cận của ngân hàng đến những đối tượng này bị hạn chế. Để vượt qua trở ngại này, các ngân hàng cần nghiên cứu áp dụng một cách phổ biến hơn những công nghệ tín dụng mới, như cho vay theo dòng tiền. Công nghệ tín dụng cho vay dựa trên dòng tiền sẽ cung cấp cho các ngân hàng các mẫu sản phẩm tín dụng được chuẩn hóa, thích ứng với khách hàng, cho phép đánh giá tốt hơn năng lực trả nợ của người vay theo các yếu tố đầu vào mà không hoàn toàn phụ thuộc vào tài sản thế chấp. Công nghệ này cũng đòi hỏi hoạt động đào tạo để các cán bộ tín dụng và cán bộ quản lý ở các chi nhánh nắm bắt và ứng dụng một cách tốt nhất.

(iv) Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các doanh nghiệp nông thôn

Trong thời kỳ đổi mới, số lượng và chất lượng dịch vụ ngân hàng ngày càng đa dạng, tiên tiến. Tuy nhiên, người dân và các doanh nghiệp nông thôn dường như vẫn còn chưa được hưởng lợi đầy đủ từ những thành quả của công cuộc đổi mới trong lĩnh vực ngân hàng. Sự tiếp cận được đến dịch vụ ngân hàng của người dân và doanh nghiệp nông thôn vẫn còn rất hạn chế. Điều này một phần là do những nguyên nhân yếu kém từ phía nội tại các doanh nghiệp như trong khâu chuẩn bị

kế hoạch kinh doanh, thiếu hệ thống báo cáo tài chính, kế toán lành mạnh...

Vấn đề trên có thể được xử lý thông qua các hoạt động đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh ở khu vực nông thôn cũng như các ngân hàng tham gia cung cấp dịch vụ. Đối với các doanh nghiệp và hộ gia đình, việc cần thiết là đào tạo, hướng dẫn cho họ làm thế nào để xây dựng được một kế hoạch kinh doanh gắn kết một cách tốt hơn với yêu cầu của các ngân hàng, thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán, báo cáo tài chính lành mạnh, hay làm thế nào để nâng cao tính hiệu quả và khả năng sinh lời,... Hướng dẫn có thể đến từ phía các ngân hàng thông qua các lớp đào tạo hay hướng dẫn trực tiếp của các cán bộ tín dụng khi tiếp cận hồ sơ vay của khách hàng. Hoạt động đào tạo cho các doanh nghiệp có thể hiệu quả hơn và đạt qui mô rộng rãi hơn thông qua các Hiệp hội doanh nghiệp hay các tổ chức nghề nghiệp. Tuy nhiên, đây là những hoạt động trợ giúp mang tính vĩ mô, do đó rất cần có những biện pháp hỗ trợ phù hợp từ phía Chính phủ mà không thể dựa vào một vài đơn vị riêng lẻ.

(v) Phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp

Một yếu tố quan trọng đòi hỏi phải có những bước tiếp cận một cách sáng tạo mới trong phát triển thị trường tài chính nông thôn chính là vấn đề giảm thiểu các rủi ro đối với các khoản vay của ngân hàng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp. Hơn 70% dân số Việt Nam sống ở khu vực nông thôn và nông nghiệp vẫn là nguồn sống chính của họ. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp ở

Việt Nam lại bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi những rủi ro về thời tiết (lũ lụt, hạn hán, bão...) và dịch bệnh (dịch cúm gia cầm, heo tai xanh...). Rủi ro mất vốn cao do những đặc thù của sản xuất nông nghiệp, trong khi lại chưa có thị trường bảo hiểm nông nghiệp phát triển đã làm nản lòng các ngân hàng khi tham gia vào thị trường tài chính nông thôn.

Theo các chuyên gia bảo hiểm, bảo hiểm nông nghiệp là lĩnh vực phức tạp, tốn kém và khả năng sinh lời thấp, rất dễ bị lỗ. Do đó, để từng bước phát triển bảo hiểm nông nghiệp, theo kinh nghiệm của các nước, Nhà nước cần có biện pháp hỗ trợ cho cả doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm cũng như hỗ trợ phí bảo hiểm cho người dân. Về phía ngân hàng, để giảm thiểu rủi ro cho bản thân, các ngân hàng cũng cần có chính sách hỗ trợ như miễn hay giảm lãi đối với khách hàng có tham gia bảo hiểm nông nghiệp để khuyến khích khách hàng vay vốn tham gia mua bảo hiểm. Ngoài ra, sự tham gia của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội trong việc tuyên truyền vận động thu hút đông đảo người dân tham gia bảo hiểm nông nghiệp sẽ là rất cần thiết để xây dựng một thị trường bảo hiểm nông nghiệp phát triển.

(vi) Tham gia của ngân hàng vào bảo vệ môi trường

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, vấn đề môi trường ở Việt Nam đã ngày một trở nên cấp bách. Đảng và Nhà nước đã ban hành Luật về Bảo vệ môi trường. Mặc dù vậy, việc thực thi Luật Bảo vệ môi trường ở các địa phương còn rất hạn chế. Ở khu vực nông thôn còn tồn tại tập quán sản xuất tự phát và tâm lý phát triển kinh tế là



trên hết mà bỏ qua vấn đề bảo vệ môi trường. Điều này đã dẫn đến những điểm nóng về môi trường ở khu vực nông thôn, nhất là ở những làng nghề thủ công và các khu vực có sự tập trung cao các doanh nghiệp trong ngành sản xuất, tái chế giấy, nấu chảy kim loại và nhựa thủ công, dệt nhuộm, chế biến thực phẩm nông sản... Nguy cơ phải đóng cửa nhà máy hay thu hẹp sản xuất ở những cơ sở không đáp ứng vấn đề bảo vệ môi trường đã dẫn đến rủi ro không trả được nợ cho ngân hàng. Vấn đề bảo vệ môi trường, do đó, cần được các ngân hàng xem xét một cách tích cực để có thể kết hợp hài hòa lợi ích của ngân hàng, của doanh nghiệp và bảo vệ được môi trường. Điều này có thể được thực hiện thông qua đào tạo tập huấn cho cán bộ quản lý và cán bộ tín dụng về các chính sách bảo vệ môi trường hiện hành; cách thức nhận biết và phân loại khoản vay phù hợp với các qui định về bảo vệ môi trường; tăng cường sự phối hợp giữa cán bộ tín dụng với cơ quan môi trường địa phương trong việc thẩm định và giám sát sự tuân thủ của các cơ sở sản xuất sau khi cho vay; và qui trình tham vấn cộng đồng địa phương để giảm thiểu những rủi ro khi cho vay ở khu vực nông thôn.

5. Các Dự án Tài chính Nông thôn và sự tham gia của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào thị trường tài chính nông thôn

Trong số các dự án vay vốn tín dụng quốc tế phục vụ phát triển khu vực nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), thông qua Sở Giao dịch III, được Chính phủ giao quản lý nguồn vốn và triển

khai thực hiện 3 Dự án, là các Dự án Tài chính Nông thôn I, II & III với tổng số vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) lên đến 548 triệu USD. Các Dự án có mục tiêu chung là bổ sung nguồn vốn có kỳ hạn cho các định chế để đáp ứng nhu cầu đầu tư ở khu vực nông thôn và hỗ trợ phát triển hệ thống tài chính nông thôn bền vững.

Các Dự án Tài chính Nông thôn đã và đang tiếp tục góp phần tích cực giải quyết những vấn đề chính yếu của hệ thống tài chính nông thôn. Dự án đã thành công trong việc bổ sung thêm nguồn vốn cho hệ thống ngân hàng, đặc biệt là nguồn vốn trung và dài hạn để thực hiện các hoạt động cho vay đầu tư ở khu vực nông thôn. Tính gộp cả 3 Dự án, từ năm 2002 đến nay, các Dự án đã bổ sung một lượng vốn cho đầu tư phát triển nông thôn lên đến 29 nghìn tỷ đồng (1,6 tỷ USD), trong đó trên 90% là vốn trung và dài hạn. Các Dự án Tài chính Nông thôn cũng góp phần hỗ trợ phát triển hệ thống tài chính nông thôn với việc tài trợ cho các hợp đồng tư vấn hỗ trợ các ngân hàng thực hiện các kế hoạch chiến lược và đào tạo cho trên 30 nghìn cán bộ của các ngân hàng về lĩnh vực tài chính nông thôn.

Một đóng góp quan trọng của Dự án Tài chính Nông thôn cho sự phát triển bền vững ở khu vực nông thôn là, trong Dự án Tài chính Nông thôn, lần đầu tiên ở Việt Nam đã gắn kết các qui định về bảo vệ môi trường với các hoạt động cho vay. Đây được xem là một thực tiễn tốt trong việc kết hợp đánh giá môi trường với hoạt động cho vay tín dụng ở khu vực nông thôn mà các ngân hàng có thể áp dụng ngoài

phạm vi các Dự án Tài chính Nông thôn.

Điều quan trọng hơn nữa là, ngoài các mục tiêu tương tự như các dự án trước, trong Dự án Tài chính Nông thôn III, một phần vốn đã được Chính phủ, WB và BIDV thống nhất dành để nghiên cứu giải quyết một số vấn đề được xem là trở ngại cho các ngân hàng khi tham gia vào thị trường tài chính nông thôn. Những chủ đề được hỗ trợ nghiên cứu bao gồm: nghiên cứu phát triển những sản phẩm tài chính mới như huy động vốn dài hạn ở khu vực nông thôn, cho vay theo dòng tiền, hay phát triển những sản phẩm bảo hiểm rủi ro trong nông nghiệp; bên cạnh đó là tuyên truyền quảng bá về bảo vệ môi trường và đào tạo cho các ngân hàng về qui trình thẩm định và kiểm tra tuân thủ môi trường khi cho vay; hỗ trợ các doanh nghiệp nông thôn với chương trình đào tạo, thông qua Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, về phương pháp lập kế hoạch kinh doanh hiệu quả, phát triển hệ thống kế toán theo chuẩn mực, quản lý nguồn lực và phát triển sản xuất kinh doanh; ngoài ra, Dự án cũng hỗ trợ tăng cường năng lực đi đôi với quản lý, giám sát hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân để nâng cao tính bền vững của hệ thống và cung cấp tốt hơn các dịch vụ tài chính vì mô ở khu vực nông thôn. Tất cả các hoạt động trên đang được BIDV phối hợp tích cực với các đơn vị liên quan triển khai trong khuôn khổ Dự án Tài chính Nông thôn III. Kết quả của những nghiên cứu, ứng dụng này sẽ là những đóng góp thiết thực của Dự án Tài chính Nông thôn và của BIDV cho một thị trường tài chính nông thôn hiệu quả và an toàn. ■

